

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LẠNG SƠN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HS-ST

Ngày 30 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Văn Trung.

Bà Trịnh Thị Như Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1990, tại huyện Y, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2018, tiếp đó tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 cho đến ngày 01/02/2018 được áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú, cho đến nay, có mặt.

2. Trần Văn T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1984 tại huyện Y, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Đỗ Thị B; vợ: Đinh Thị P; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2018, tiếp đó tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 cho đến ngày 01/02/2018 được áp dụng lệnh Cấm đi

khỏi nơi cư trú, cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, “có mặt”.

Người chứng kiến: Chị Đới Thị H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2017 Đỗ Văn T và Trần Văn T1 là thợ xây từ Nam Định lên khu vực thôn N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để làm việc. Đầu tháng 01 năm 2018, cả hai rủ nhau về quê, T rủ T1 tìm mua pháo về quê sử dụng, ai mua thì bán và biếu bạn bè, T1 đồng ý. Sau đó mấy ngày T1 gặp một nam thanh niên không biết tên, địa chỉ, gần nơi T1 làm, qua nói chuyện người này cho biết có pháo bán nên T1 hỏi mua 08 (tám) giàn pháo loại 36 lỗ/1 giàn, 03 (ba) giàn pháo loại 49 lỗ/1 giàn, 02 (hai) cuộn pháo bánh và khoảng 200 (hai trăm) quả pháo “trúng” hay pháo “cù”, người này nói tổng cộng hết 1.400.000 đồng, T1 nói khi nào về sẽ tìm mua. Sau đó T1 thông báo cho T biết đã tìm được người bán pháo và đặt mua số lượng, chủng loại, giá tiền, cả hai nhất trí mỗi người góp 700.000 đồng, số pháo mua được cùng nhau sử dụng, nếu bán được lợi nhuận sẽ chia đôi. Sáng ngày 11 tháng 01 năm 2018 cả hai gặp người thanh niên bán pháo trên, T1 nói mai về quê nếu có pháo lấy cho, thì người này đồng ý hẹn trưa hôm sau. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12 tháng 01 năm 2018 cả hai đi xe máy của T1 gặp người thanh niên bán pháo gần nơi làm, người này yêu cầu đặt trước 700.000 đồng rồi đưa T1, T đến nơi vắng người qua lại, cả hai không xác định khu vực nào nhưng thuộc thị trấn T, huyện T, người này đưa 02 bao tải nói đã đủ số lượng pháo. Cả hai kiểm tra thấy 01 bao đựng pháo “cù”, 01 bao tải đựng 08 giàn pháo loại 36 lỗ/1 giàn; 03 giàn pháo loại 49 lỗ/1 giàn; 02 bánh pháo tròn, rồi trả số tiền 700.000 đồng còn lại cho người bán pháo. Sau khi lấy số pháo giàn, pháo bánh từ bao tải ra cho vào ba lô và túi xách cùng bao pháo “cù” để trên xe mô tô, T1 điều khiển chở T cùng toàn bộ số pháo để đi về quê. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày khi đi đến đoạn đường km 13 + 600 Quốc lộ 1A thuộc thôn Đ, xã H, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 08 (tám) giàn pháo loại 36 lỗ/1 giàn có đặc điểm là các khối hộp vỏ giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 vật hình trụ vỏ giấy được liên kết với nhau;

- 03 (ba) giàn pháo loại 49 lỗ/ 1 giàn có đặc điểm là các khối hộp vỏ giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 49 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau.

- 02 (hai) bánh pháo gồm nhiều quả pháo liên kết với nhau thành giấy pháo

cuộn tròn;

- 298 (hai trăm chín mươi tám) quả pháo hình trụ cầu, vỏ giấy thường gọi là pháo “trứng” pháo “cù”;

- 01 (một) bao tải dừa màu vàng + 03 (ba) chiếc túi ni lông màu đen + 01 (một) chiếc ba lô màu đen + 01 (một) chiếc túi xách kẻ ô vuông dùng đựng pháo;

- 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu sơn đen đỏ, BKS 18D1-39554;

- 01 (một) căn cước công dân số: 036084005212 + 01 (một) đăng ký xe mô tô số 016344.

Tại biên bản xác định trọng lượng và chủng loại pháo hồi 19 giờ 20 phút ngày 12 tháng 01 năm 2018 xác định: 08 (tám) giàn pháo loại 36 lỗ/ 1 giàn có tổng trọng lượng là 11,2 kg; 03 (ba) giàn pháo loại 49 lỗ/1 giàn có tổng trọng lượng là 2,7kg; 02 (hai) bánh pháo có tổng trọng lượng là 02 kg; 298 quả pháo thường gọi là pháo “chứng” có tổng trọng lượng là 9,2 kg. Tổng trọng lượng toàn bộ số pháo trên của Trần Văn T1 và Đỗ Văn T là 25,1kg.

Tại bản kết luận giám định số 297/C 54-P2 ngày 15/01/2018 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận:

... “ 01 khối hộp, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau; 01 khối hộp, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong gồm 49 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau và 10 vật hình bóng đèn điện tròn, mỗi đầu mỗi vật có gắn đoạn dây màu xanh gửi giám định đều có chứa thuốc pháo. Khi đốt các vật phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu.

- Các vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, mỗi đầu mỗi vật có gắn 01 đoạn dây màu xám được liên kết với nhau thành 01 tràng (01 bánh hình tròn) có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn T1 về tội “ Buôn bán hàng cấm” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật vì các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, các bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T và Trần Văn T1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, nhân đôi thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xác nhận toàn bộ 25,1kg pháo nổ thu của các bị cáo và vật dụng đựng pháo đã được dùng trong quá trình giám định và tiêu hủy hết.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu sơn đen đỏ, BKS 18D1- 39554 các bị cáo dùng để chở pháo, xác định chủ sở hữu mang tên Trần Văn T1, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo nên đề nghị tuyên trả cho bị cáo. Đối với 01 (một) căn cước công dân số: 036084005212; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 016344 đề nghị tuyên trả cho bị cáo Trần Văn T1.

Hình phạt bổ sung: Qua việc xác minh tại địa phương nhận thấy các bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn T1 tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo khai tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn lập ngày 12 tháng 01 năm 2018 và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận giám định số: 297/PC54-P2 ngày 15/01/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18giờ 45 phút ngày 12/01/2018, tại đoạn đường km 13 +600 Quốc lộ 1A thuộc thôn Đ, xã H, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn T1 bị tổ công tác Công an huyện Cao Lộc, phối hợp cùng tổ công tác PC16 Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang có hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo) có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt gây tiếng nổ) gồm: 08 (tám) giàn pháo loại 36 lỗ/ 1 giàn; 03(ba) giàn pháo loại 49 lỗ/1 giàn; 02 (hai) bánh pháo; 298 quả pháo thường gọi là pháo “trúng” hoặc pháo “cù”. Số pháo thu giữ của các bị cáo có tổng trọng lượng là 25,1kg. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được mua pháo về quê bán kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Về hành vi của bị cáo Đỗ Văn T và Trần Văn T1 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án Buôn bán hàng cấm là pháo nổ, hành vi của các bị cáo được xác định là tội phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước; gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp vi phạm Chỉ thị 406/TTG ngày 08/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán, vận chuyển và đốt pháo.

[3] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cụ thể: Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân . Tình tiết tăng nặng các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra cả hai bị cáo còn được hưởng tình tiết khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự vì: Bị cáo Trần Văn T1 có bố là người có công với nước, được hưởng chế độ mẫu da cam loại một (Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý , tỉnh Nam Định), ngoài ra bị cáo T1 hiện là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Đỗ Văn T có mẹ là người thờ cúng liệt sỹ (Xác nhận của xã Y, huyện Ý , tỉnh Nam Định). Xác định đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc và phân công vai trò của từng người, không có người cầm đầu, tất cả đều là người thực hành. Bị cáo Đỗ Văn T là người rủ bị cáo Trần Văn T1 mua pháo về quê mục đích bán kiếm lời và được T1 đồng ý và thực hiện rất tích cực bằng việc chủ động tìm mua pháo, nên xác định vai trò của hai bị cáo là ngang nhau.

[4] Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như vai trò của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên một mức án đối với các bị cáo, xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ (có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết quy định tại khoản 2 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự); các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Qua việc xác minh tại chính quyền đại phương thấy bị cáo Đỗ Văn T và Trần Văn T1 không có tài sản riêng, công việc không ổn định nên không áp dụng hình phạt phụ là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Tổng trọng lượng pháo là 25,1kg trong có có gồm: 08 (tám) giàn pháo loại 36 lỗ/1 giàn; 03 (ba) giàn pháo loại 49 lỗ/ 1 giàn; 02

(hai) bánh pháo gồm nhiều quả pháo liên kết với nhau thành giấy pháo cuộn tròn; 298 (hai trăm chín mươi tám) quả pháo hình trụ cầu. Thấy rằng 25,1 kg pháo trong vụ án đã dùng làm mẫu vật giám định và tiêu hủy hết. Những vật chứa đựng pháo 01 (một) bao tải dứa màu vàng; 03 (ba) chiếc túi ni lông màu đen; 01 (một) chiếc ba lô màu đen; 01 (một) chiếc túi xách kẻ ô vuông dùng đựng pháo cùng đã được tiêu hủy cùng pháo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử nhận thấy 25,1 kg pháo là vật cấm tàng trữ, lưu hành và đồ vật đựng pháo xét không có giá trị cơ quan điều tra đã tiêu hủy là đúng theo quy định điểm c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự nên, Hội đồng xét xử cần tuyên xác nhận việc tiêu hủy.

[8] Đối với vật chứng là: 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu sơn đen đỏ, BKS 18D1- 39554. Là phương tiện phạm tội, tuy nhiên chị Đinh Thị P có yêu cầu xin lại chiếc xe và đơn xin có xác nhận của chính quyền địa phương nội dung thể hiện chiếc xe mô tô bị cáo Trần Văn T1 dùng chở pháo là tài sản chung của vợ chồng, chị P không biết việc chồng mình đem xe đi buôn bán hàng cấm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T1, căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự tuyên trả cho bị cáo; đối với 01 (một) căn cước công dân số: 036084005212; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 016344 xác định là gây tờ tùy thân và giấy tờ xe của bị cáo nên tuyên trả cho bị cáo. Vật chứng hiện có tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2018 của hai cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[10] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt và các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp và không có khiếu nại, tố cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn T1 phạm tội “ Buôn bán hàng cấm”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2018.

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2018.

Giao bị cáo Trần Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Đỗ Văn T và Trần Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự tuyên xác nhận 25,1kg pháo đã được dùng làm mẫu vật giám định và tiêu hủy hết. 01 (một) bao tải dứa màu vàng; 03 (ba) chiếc túi ni lông màu đen; 01 (một) chiếc ba lô màu đen; 01(một) chiếc túi xách kẻ ô vuông dùng đựng pháo đã được tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T1: 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu sơn đen đỏ, BKS 18D1- 39554 và 01 (một) căn cước công dân số: 036084005212; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 016344. Vật chứng hiện có tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2018 của hai cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự và cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Sơ tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan.
- Lưu HSVA; V.P

Bạch Ánh Tuyết